

Bản án số: 544/2025/DS-ST

Ngày: 27-8-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Trí.

2. Bà Võ Phương Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trúc Ly - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1144/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lại Thị N, sinh năm 1976. Địa chỉ: số D Đường số D, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số D Đường số D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. *Bị đơn:* Ông Đồng Đăng C, sinh năm 1974. Địa chỉ: số H Đường số D, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số H Đường số D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn D, sinh năm 1971. Địa chỉ: số D Đường số D, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số D Đường số D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và trong quá trình

giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lại Thị N trình bày:

Ngày 30/3/2023, bà N có cho ông Đồng Đăng C vay số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng từ ngày 30/3/2023 đến 30/4/2023, không thỏa thuận lãi suất; theo hợp đồng vay tiền ngày 30/3/2023.

Bà N xác định số tiền bà cho ông C vay là tài sản chung của bà và chồng là ông Trần Văn D.

Quá trình vay, ông C có trả cho bà N số tiền 30.000.000 đồng. Ngày 01/3/2024, ông C có lập giấy đề nghị gia hạn nợ xác nhận số tiền ông C còn nợ là 220.000.000 đồng và xin được thanh toán số tiền còn nợ chia thành 6 đợt, đợt 6 thanh toán vào ngày 30/5/2024. Tuy nhiên, từ đó đến nay ông C không trả thêm số tiền nào cho bà N.

Vì vậy, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc cá nhân ông Đồng Đăng C trả cho bà và ông Duyên số tiền nợ còn lại là 220.000.000 đồng. Bà N không yêu cầu ông C trả tiền lãi.

Bị đơn - ông Đồng Đăng C vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai ngày 09/5/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Văn D trình bày: ông là chồng của bà Lại Thị N. Số tiền bà N cho ông Đồng Đăng C vay là tài sản chung của ông và bà N. Ông thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của bà N, đồng thời không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này. Ông D có yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự như: thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; tiến hành xác minh thu thập chứng cứ. Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, thì việc bà N khởi kiện yêu cầu ông C trả số tiền còn nợ 220.000.000 đồng là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa bà Lại Thị N với ông Đồng Đăng C là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Xác định tư cách tham gia tố tụng: Nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bị đơn trả lại tiền; bị đơn vắng mặt và không có ý kiến về vấn đề này. Do đó, căn cứ Điều 5 và khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không xác minh đưa vợ bị đơn (nếu có) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2.2] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không thông báo lý do cho Tòa án, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Xét hợp đồng vay tiền ngày 30/3/2023 giữa bà Lại Thị N và ông Đồng Đăng C có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên từ thời điểm ký kết.

Căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày 30/3/2023 có cơ sở xác định bà Lại Thị N có cho ông Đồng Đăng C vay số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng từ ngày 30/3/2023 đến 30/4/2023, không thỏa thuận lãi suất.

Bà N thừa nhận quá trình thực hiện hợp đồng thì ông C có trả cho bà số tiền 30.000.000 đồng, điều này phù hợp với nội dung giấy đề nghị gia hạn nợ ngày 01/3/2024. Bị đơn - ông Đồng Đăng C vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền đã trả, số tiền còn nợ bà N. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày, thừa nhận của nguyên đơn để làm cơ sở giải quyết vụ án, xác định số tiền ông C còn nợ là 220.000.000 đồng.

Bà N thừa nhận ngày 01/3/2024, ông C có lập giấy đề nghị gia hạn nợ xác nhận số tiền ông C còn nợ là 220.000.000 đồng và xin được thanh toán số tiền còn nợ chia thành 6 đợt, đợt 6 thanh toán vào ngày 30/5/2024. Tuy nhiên, từ đó đến nay ông C không trả thêm số tiền nào cho bà N. Do ông C vi phạm nghĩa vụ trả

nợ nên bà N khởi kiện là có căn cứ theo thỏa thuận giữa hai bên tại Điều 4 hợp đồng vay tiền và phù hợp với khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét thấy bên vay phải có nghĩa vụ trả đủ tiền cho bên cho vay khi đến hạn, trừ trường hợp có các thỏa thuận khác. Bà N và ông D cùng xác nhận số tiền bà N cho ông C vay là tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy, yêu cầu của bà N buộc ông C phải trả cho bà và ông Duyên số tiền còn nợ 220.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét việc bà N, ông D không yêu cầu ông C trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí:

- Ông Đồng Đăng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bà Lại Thị N không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 92, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15;

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị N.

Buộc ông Đồng Đăng C trả cho bà Lại Thị N và ông Trần Văn D số tiền 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 30/3/2023.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lại Thị N, ông Trần Văn D về việc không yêu cầu ông Đồng Đăng C trả tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Đồng Đăng C phải chịu 11.000.000 (mười một triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lại Thị N được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.500.000 (năm triệu, năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010855 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 - TP.Hồ Chí Minh;
- THADS TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Minh Tâm